



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Việt Phương
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thức
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ủy Ban Kiểm toán
(từ ngày 14/4/2021)

Ông Đào Anh Thắng
Ông Nguyễn Việt Phương

Trưởng Ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chữ Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 13-08-2021

0112
ÔNG
NHIỆP
TP
LIÊN



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13-08-2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00211-21-1

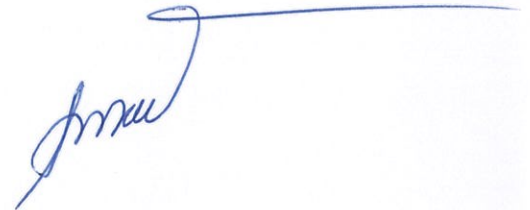


Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **13 -08- 2021**



Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.504.283.113.256	1.550.910.874.602
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	167.178.140.689	194.084.404.609
Tiền	111		167.178.140.689	194.084.404.609
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		600.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	600.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		785.796.650.894	783.425.964.128
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	744.225.810.613	810.969.815.615
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	25.070.849.341	30.224.105.372
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	15.461.572.866	15.461.572.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	13	81.232.639.505	6.964.691.706
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(80.194.221.431)	(80.194.221.431)
Hàng tồn kho	140	15	935.061.905.029	564.783.249.113
Hàng tồn kho	141		938.535.930.580	568.257.274.664
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.474.025.551)	(3.474.025.551)
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.246.416.644	8.617.256.752
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.639.625.767	8.172.206.333
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.143.399.438	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	463.391.439	445.050.419

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.002.645.049.682	2.043.927.267.314
Tài sản cố định	220		1.306.254.971.286	1.433.735.361.195
Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.304.954.977.914	1.365.035.367.602
Nguyên giá	222		2.597.828.990.124	2.589.796.335.207
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.292.874.012.210)	(1.224.760.967.605)
Tài sản cố định vô hình	227	17	1.299.993.372	68.699.993.593
Nguyên giá	228		4.232.729.853	80.625.862.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.932.736.481)	(11.925.869.357)
Tài sản dở dang dài hạn	240		107.304.735.644	85.526.863.328
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	107.304.735.644	85.526.863.328
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	465.272.188.600	465.272.188.600
Đầu tư vào công ty con	251		131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		95.960.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		150.000.000.000	150.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		123.813.154.152	59.392.854.191
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	123.813.154.152	59.392.854.191
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.506.928.162.938	3.594.838.141.916

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.982.029.219.616	1.192.723.874.038
Nợ ngắn hạn	310		1.955.940.320.279	1.157.266.672.887
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	222.619.820.434	180.271.339.717
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.284.798.747	3.081.619.337
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	21	22.400.677.554	26.276.720.508
Phải trả người lao động	314		53.101.438.920	53.090.661.288
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	131.214.644.638	111.382.075.598
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	99.905.530.680	10.447.034.963
Vay ngắn hạn	320	24(a)	1.401.693.973.480	772.022.512.413
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	4.719.435.826	694.709.063
Nợ dài hạn	330		26.088.899.337	35.457.201.151
Vay dài hạn	338	24(b)	26.088.899.337	35.457.201.151
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.524.898.943.322	2.402.114.267.878
Vốn chủ sở hữu	410	26	2.524.898.943.322	2.402.114.267.878
Vốn cổ phần	411	27	1.177.961.830.000	1.177.961.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.177.961.830.000	1.177.961.830.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	1.034.576.932.192	941.847.178.493
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		312.360.181.130	282.305.259.385
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.199.299.220	47.199.299.220
- LNST kỳ này/năm nay	421b		265.160.881.910	235.105.960.165
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.506.928.162.938	3.594.838.141.916

Người lập:

13-08-2021

Người duyệt:


Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán


Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng


Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	31	2.115.600.565.320	1.940.461.688.106
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	90.213.600.649	8.754.662.096
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	31	2.025.386.964.671	1.931.707.026.010
Giá vốn hàng bán	11	32	1.543.829.687.912	1.332.367.817.721
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		481.557.276.759	599.339.208.289
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	109.061.813.002	82.197.115.037
Chi phí tài chính	22	34	26.610.650.394	58.322.012.327
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.355.058.932	40.551.232.173
Chi phí bán hàng	25	35	197.278.097.624	250.299.944.167
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	60.035.066.519	142.268.089.185
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		306.695.275.224	230.646.277.647
Thu nhập khác	31		1.550.264.800	1.028.646.898
Chi phí khác	32		56.822.367	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.493.442.433	1.028.646.898
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		308.188.717.657	231.674.924.545
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	43.027.835.747	31.445.099.449
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		265.160.881.910	200.229.825.096

Người lập:

13-08-2021

Người duyệt:


 Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng


 Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	308.188.717.657	231.674.924.545
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	71.671.329.373	68.456.887.089
Các khoản dự phòng	03	-	79.156.884.360
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(239.161.336)	(26.739.516)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(108.888.858.250)	(81.365.841.616)
Chi phí lãi vay	06	15.355.058.932	40.551.232.173
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	286.087.086.376	338.447.347.035
Biến động các khoản phải thu	09	2.008.099.320	44.761.702.802
Biến động hàng tồn kho	10	(370.278.655.916)	46.982.304.786
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	129.606.984.891	(65.991.993.182)
Biến động chi phí trả trước	12	3.645.610.344	5.190.794.698
		51.069.125.015	369.390.156.139
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.422.566.874)	(42.838.781.501)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.558.141.627)	(17.222.871.395)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.555.296.703)	(4.168.021.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.466.880.189)	305.160.482.243
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(13.519.127.992)	(43.051.371.399)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	181.818.182	-
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23	(603.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24	3.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	94.134.660.737	131.600.626.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(519.202.649.073)	88.549.255.252

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.424.704.531.617	1.462.229.416.381
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(804.147.924.594)	(1.756.746.806.380)
Tiền trả cổ tức	36	(117.796.183.000)	(196.327.706.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	502.760.424.023	(490.845.095.999)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(26.909.105.239)	(97.135.358.504)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	194.084.404.609	288.767.838.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.841.319	26.336.074
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	167.178.140.689	191.658.815.741

Người lập: **13-08-2021**

Người duyệt:


 Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng


 Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 1.228 nhân viên (1/1/2021: 1.250 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm trái phiếu và khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

(ii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	566.679.501	183.600.554
Tiền gửi ngân hàng	166.611.461.188	193.900.804.055
	<hr/>	<hr/>
	167.178.140.689	194.084.404.609
	<hr/>	<hr/>

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2021 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	1/1/2021 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn								
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	600.000.000.000	600.000.000.000		-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn								
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	15.000	150.000.000.000	(*)	(*)	15.000	150.000.000.000	(*)	(*)

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,75% đến 5,2%. Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Các trái phiếu này hưởng lãi suất năm là 8,1%. Trong đó, 10.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2027 và 5.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2027.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2021				1/1/2021				
	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:									
	Công ty con								
	▪ Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung (iii)	100,00%	100,00%	120.000.000.000	-	(*)	120.000.000.000	-	(*)
	▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (iv)	100,00%	100,00%	11.100.000.000	-	(*)	11.100.000.000	-	(*)
				131.100.000.000	-		131.100.000.000	-	
Công ty liên kết									
	▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (v)	8.415.000	27,39%	84.150.000.000	-	(*)	84.150.000.000	-	(*)
	▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (vi)	499.775	49,98%	5.397.000.000	-	(*)	5.397.000.000	-	(*)
	▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (vii)		51,00%	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)
				113.345.883.000	(23.798.883.000)		113.345.883.000	(23.798.883.000)	
Đơn vị khác									
	▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (viii)	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	-	(*)	46.784.068.600	-	(*)
	▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.800.000	1,80%	41.400.000.000	-	(*)	41.400.000.000	-	(*)
	▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	396.000	17,39%	5.148.000.000	-	(*)	5.148.000.000	-	(*)
	▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	1.128.120.000	-	(*)	1.128.120.000	-	(*)
	▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)
				95.960.188.600	(1.335.000.000)		95.960.188.600	(1.335.000.000)	
				340.406.071.600	(25.133.883.000)		340.406.071.600	(25.133.883.000)	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (iv) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (v) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (vi) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (vii) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Việt Nam cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.

- (viii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TRÁI
NAM

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	353.935.569.167	337.778.296.999
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (i)	150.571.115.269	243.936.102.107
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (i)	319.264.603	3.885.581.879
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (i)	5.731.000	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	1.301.999.378	1.650.366.250
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	119.842.140.394	32.476.824.252
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	109.188.598.195	123.288.793.047
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	4.103.909.819	37.731.349.888
Công ty TNHH Tam Phước	-	26.400.255.823
Các khách hàng khác	4.957.482.788	3.822.245.370
	744.225.810.613	810.969.815.615

- (i) Các khoản phải thu này không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 665.079 triệu VND (1/1/2021: 732.065 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	2.105.295.193
Bên khác		
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	6.390.354.000	1.412.516.288
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	4.600.478.960	1.858.999.010
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông và Quảng cáo Minh Dương	2.770.000.000	1.567.047.000
Công ty TNHH Công nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	2.356.774.472	6.977.720.635
Các nhà cung cấp khác	8.953.241.909	16.302.527.246
	25.070.849.341	30.224.105.372

12. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết với Công ty. Khoản vay này không có bảo đảm, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Nguyên vật liệu cho vay với Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	57.271.760.000	-
Bên khác		
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	15.904.383.561	1.262.465.753
Tạm ứng	3.686.661.342	2.817.667.095
Đặt cọc	2.710.000.000	2.308.000.000
Phải thu khác	1.659.834.602	576.558.858
	81.232.639.505	6.964.691.706

Khoản cho vay nguyên vật liệu với bên liên quan không có đảm bảo, hưởng lãi suất 3,5%/năm và được hoàn trả vào 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2021			1/1/2021				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-
Công ty TNHH Sekisui	Trên 6 tháng đến trên 3 năm				Dưới 6 tháng đến trên 3 năm			
Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt								
Công ty TNHH Thương mại		1.650.366.250	1.060.039.175	590.327.075		1.650.366.250	1.060.039.175	590.327.075
Xuất nhập khẩu Minh Hải								
– công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân	1 năm đến				1 năm đến			
liên quan của Công ty	dưới 2 năm	150.571.115.269	77.845.262.227	72.725.853.042	dưới 2 năm	243.936.102.107	77.845.262.227	166.090.839.880
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	203.536.476	-	Trên 3 năm	203.536.476	203.536.476	-
		153.510.401.548	80.194.221.431	73.316.180.117		246.875.388.386	80.194.221.431	166.681.166.955

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

80.194.221.431

80.194.221.431

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	160.535.286.969	-	55.283.899.516	-
Nguyên vật liệu	489.481.252.153	(3.474.025.551)	339.834.011.616	(3.474.025.551)
Công cụ và dụng cụ	7.592.249.298	-	8.061.336.157	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.973.940.659	-	37.113.688.720	-
Thành phẩm	207.953.201.501	-	127.964.338.655	-
	938.535.930.580	(3.474.025.551)	568.257.274.664	(3.474.025.551)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 có 4.238 triệu VND nguyên vật liệu được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.357.729.493.558	1.061.884.088.660	152.721.030.098	17.461.722.891	2.589.796.335.207
Tăng trong kỳ	-	1.385.417.637	2.285.728.818	-	3.671.146.455
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.948.859.614	104.263.134	-	-	6.053.122.748
Thanh lý	-	-	(1.691.614.286)	-	(1.691.614.286)
Số dư cuối kỳ	1.363.678.353.172	1.063.373.769.431	153.315.144.630	17.461.722.891	2.597.828.990.124
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	456.125.565.091	659.671.947.424	92.595.653.516	16.367.801.574	1.224.760.967.605
Khấu hao trong kỳ	34.246.728.512	29.657.573.828	5.665.104.987	235.251.564	69.804.658.891
Thanh lý	-	-	(1.691.614.286)	-	(1.691.614.286)
Số dư cuối kỳ	490.372.293.603	689.329.521.252	96.569.144.217	16.603.053.138	1.292.874.012.210
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	901.603.928.467	402.212.141.236	60.125.376.582	1.093.921.317	1.365.035.367.602
Số dư cuối kỳ	873.306.059.569	374.044.248.179	56.746.000.413	858.669.753	1.304.954.977.914

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 544.162 triệu VND (1/1/2021: 528.636 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 793.523 triệu VND (1/1/2021: 839.689 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	78.124.840.727	2.501.022.223	80.625.862.950
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(76.393.133.097)	-	(76.393.133.097)
Số dư cuối kỳ	1.731.707.630	2.501.022.223	4.232.729.853
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.424.847.134	2.501.022.223	11.925.869.357
Khấu hao trong kỳ	426.919.076	-	426.919.076
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.420.051.952)	-	(9.420.051.952)
Số dư cuối kỳ	431.714.258	2.501.022.223	2.932.736.481
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	68.699.993.593	-	68.699.993.593
Số dư cuối kỳ	1.299.993.372	-	1.299.993.372

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.501 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	85.526.863.328	127.135.624.483
Tăng trong kỳ	27.900.533.541	17.589.086.557
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.053.122.748)	-
Khác	(69.538.477)	-
Số dư cuối kỳ	107.304.735.644	144.724.711.040

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	98.273.507.577	76.495.635.261
Dự án số 2 An Đà	9.031.228.067	9.031.228.067
Số dư cuối kỳ	107.304.735.644	85.526.863.328

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Khác	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	VND	VND
	VND	VND		VND
Số dư đầu kỳ	47.537.665.966	2.935.852.034	8.919.336.191	59.392.854.191
Tăng trong kỳ	-	1.370.684.160	1.245.564.000	2.616.248.160
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	66.973.081.145	-	-	66.973.081.145
Phân bổ trong kỳ	(1.439.751.406)	(2.005.632.246)	(1.723.645.692)	(5.169.029.344)
Số dư cuối kỳ	113.070.995.705	2.300.903.948	8.441.254.499	123.813.154.152

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	68.814.529.300	58.041.296.500
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	3.400.000.000	1.123.173.758
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	1.663.846.910	2.023.997.019
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	280.795.987	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	-	54.429.093.592
Bên khác		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	37.505.289.635	15.011.101.227
Tricon Energy Ltd	29.619.834.400	-
Hyosung Chemical Corporation	20.073.919.600	-
Borouge Pte Ltd.	10.569.137.040	16.717.100.400
Các nhà cung cấp khác	50.692.467.562	32.925.577.221
	222.619.820.434	180.271.339.717

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán (1/1/2021: Không).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.093.293.514	212.679.018.774	(224.772.312.288)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	90.865.562.568	(90.865.562.568)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.575.547.258	43.027.835.747	(26.558.141.627)	22.045.241.378
Thuế thu nhập cá nhân	8.252.443.560	4.354.454.458	(12.625.239.038)	(18.341.020)
Tiền thuê đất	-	4.352.693.000	(4.352.693.000)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	17.441.216.947	(17.441.216.947)	355.436.176
Các loại thuế khác	(445.050.419)	5.000.000	(5.000.000)	(445.050.419)
	25.831.670.089	372.725.781.494	(376.620.165.468)	21.937.286.115

Trong đó:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(445.050.419)	(463.391.439)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26.276.720.508	22.400.677.554
	25.831.670.089	21.937.286.115

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi vay phải trả	2.019.105.635	1.086.613.577
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	76.152.057.221	80.470.538.547
Chi phí xây dựng và mua sắm tài sản cố định	25.479.205.455	-
Chi phí vận chuyển	7.651.037.337	5.900.967.861
Chi phí thuê đất	7.858.059.187	6.273.082.125
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	5.823.629.091	13.391.033.600
Chi phí phải trả khác	6.231.550.712	4.259.839.888
	131.214.644.638	111.382.075.598

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	83.607.028.919	-
Bên khác		
Nhận đặt cọc ngắn hạn	10.018.000.177	7.414.000.177
Kinh phí công đoàn	1.203.933.809	1.801.194.049
Các khoản phải trả khác	5.076.567.775	1.231.840.737
	99.905.530.680	10.447.034.963

Các khoản phải trả phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, chịu lãi suất 3,5%/năm và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong kỳ		30/6/2021	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	753.285.908.830	1.424.704.531.617	(794.779.622.768)	(253.447.770)	1.382.957.369.909	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	18.736.603.583	9.368.301.814	(9.368.301.826)	-	18.736.603.571	
	772.022.512.413	1.434.072.833.431	(804.147.924.594)	(253.447.770)	1.401.693.973.480	

Vay ngắn hạn bao gồm:

- các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 2,9% đến 4,1% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: từ 4,1% đến 6,4%); và
- các khoản vay ngân hàng bằng Đô la Mỹ, chịu lãi suất năm từ 2,0% đến 2,1% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: không có khoản vay Đô la Mỹ).

Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 1.081.416 triệu VND (1/1/2021: 574.383 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày tại Thuyết minh 24(b). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	44.825.502.908	54.193.804.734
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))	(18.736.603.571)	(18.736.603.583)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	26.088.899.337	35.457.201.151

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 4,0% đến 5,45% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: từ 6,65% đến 9,14%) và có thời gian đáo hạn từ năm 2022 đến năm 2024.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn còn số dư được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 9);
- các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 665.079 triệu VND (1/1/2021: 732.065 triệu VND) (Thuyết minh 10);
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 793.523 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 839.689 triệu VND) (Thuyết minh 16); và

nhà xưởng, các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con của Công ty.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	694.709.063	4.165.196.620
Trích lập trong kỳ	23.580.023.466	28.297.758.437
Sử dụng trong kỳ	(19.555.296.703)	(2.168.021.000)
Số dư cuối kỳ	4.719.435.826	30.294.934.057

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2020

Lợi nhuận thuần trong kỳ
Trích quỹ đầu tư phát triển
Cổ tức (Thuyết minh 28)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
981.638.530.000	962.542.250.971	447.452.991.179	2.391.633.772.150
-	-	200.229.825.096	200.229.825.096
-	175.628.227.522	(175.628.227.522)	-
-	-	(196.327.706.000)	(196.327.706.000)
-	-	(28.297.758.437)	(28.297.758.437)
-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)

Số dư tại ngày 30/6/2020

Số dư tại ngày 1/1/2021

Lợi nhuận thuần trong kỳ
Trích quỹ đầu tư phát triển
Cổ tức (Thuyết minh 28)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)
Thù lao Hội đồng Quản trị

981.638.530.000	1.138.170.478.493	245.429.124.316	2.365.238.132.809
1.177.961.830.000	941.847.178.493	282.305.259.385	2.402.114.267.878
-	-	265.160.881.910	265.160.881.910
-	92.729.753.699	(92.729.753.699)	-
-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
-	-	(23.580.023.466)	(23.580.023.466)
-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)

Số dư tại ngày 30/6/2021

1.177.961.830.000	1.034.576.932.192	312.360.181.130	2.524.898.943.322
-------------------	-------------------	-----------------	-------------------

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

28. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 196.328 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 20% vốn điều lệ)).

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.638.903.125
Từ hai đến năm năm	43.447.992.500	42.555.612.500
Trên năm năm	244.314.819.750	241.584.587.563
	<hr/>	<hr/>
	298.624.810.375	294.779.103.188

(b) Ngoại tệ

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	53.765	1.231.638.770	105.146	2.417.827.441
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	103.874.934.308	12.087.583.773
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	2.106.825.652.824	1.935.883.004.006
▪ Doanh thu khác	8.774.912.496	4.578.684.100
	2.115.600.565.320	1.940.461.688.106
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(82.461.233.362)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.752.367.287)	(8.754.662.096)
	(90.213.600.649)	(8.754.662.096)
Doanh thu thuần	2.025.386.964.671	1.931.707.026.010

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	1.537.491.994.973	1.328.187.222.135
▪ Giá vốn khác	6.337.692.939	4.180.595.586
	1.543.829.687.912	1.332.367.817.721

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	15.727.039.625	6.916.414.316
Lãi chênh lệch tỷ giá	285.234.457	831.273.421
Cổ tức và lợi nhuận được chia	93.049.538.920	74.449.427.300
	109.061.813.002	82.197.115.037

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.355.058.932	40.551.232.173
Chiết khấu thanh toán	11.149.392.299	17.027.681.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá	106.199.163	203.098.580
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	-	540.000.000
	26.610.650.394	58.322.012.327

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.759.405.525	17.415.343.409
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	93.396.702.200	152.575.556.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.196.317.968	6.088.419.270
Chi phí vận chuyển	39.099.626.778	36.702.190.481
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	9.094.585.860	11.211.524.052
Chi phí bán hàng khác	31.731.459.293	26.306.910.577
	197.278.097.624	250.299.944.167

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	29.081.487.745	28.236.622.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.201.019.447	9.448.587.700
Chi phí khác bằng tiền	10.790.542.715	9.306.880.318
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	78.711.209.519
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.962.016.612	16.564.789.297
	60.035.066.519	142.268.089.185

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.446.035.029.742	1.105.834.888.923
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	93.396.702.200	152.575.556.378
Chi phí nhân công và nhân viên	158.362.360.880	143.340.926.431
Chi phí khấu hao	71.671.329.373	68.456.887.089
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	78.711.209.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.523.171.616	117.790.939.123
Chi phí khác	19.003.373.029	14.499.027.559

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	43.027.835.747	31.445.099.449

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	308.188.717.657	231.674.924.545
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	61.637.743.531	46.334.984.909
Thu nhập không bị tính thuế	(18.609.907.784)	(14.889.885.460)
	43.027.835.747	31.445.099.449

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

0011
 CÔNG
 CH NH
 KP
 Ứ LIỆ

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung</i>		
Bán hàng hóa	2.358.168.391	571.969.712
Thanh lý tài sản cố định hữu hình	181.818.182	-
Mua hàng hóa	408.031.650	106.813.032.807
Cho vay nguyên vật liệu	57.271.760.000	-
Phân phối lợi nhuận	87.278.953.020	69.330.916.500
Mua tài sản cố định hữu hình	-	11.302.344.856
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	84.096.624.908	110.851.162.326
Mua hàng hóa, dịch vụ	64.954.239.845	96.386.066.129
Phí bản quyền	3.400.000.000	3.400.000.000
Hàng bán trả lại	718.915.961	-
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	12.051.072.289	9.669.352.637
Cổ tức được chia	599.730.000	499.775.000
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</i>		
Chiết khấu, bồi khấu	8.513.017.824	-
Hàng bán trả lại	173.813.645	3.807.757.032
Bán hàng	-	95.109.000
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong</i>		
Bán hàng hóa	15.720.000	-
Mua hàng hóa	34.931.907.980	24.609.564.551
Mua tài sản cố định hữu hình	580.600.000	-
Cho vay	3.000.000.000	-
Thu hồi khoản vay	3.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	62.191.148	-
<i>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa	2.084.153.142	1.457.156.872
Mua hàng hóa	187.280.958.000	22.315.163.621
Hàng bán trả lại	12.518.950	-

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2021 30/6/2020
VND VND

Thành viên Ban Tổng Giám đốc,
Thành viên Hội đồng Quản trị và
Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 14/4/2021)
Tiền lương, thưởng và thù lao

7.825.464.543

7.556.963.654

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Người lập: **13-08-2021**

Người duyệt:



Lưu Thị Mai
Phó Ban Tài chính – Kế toán



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc